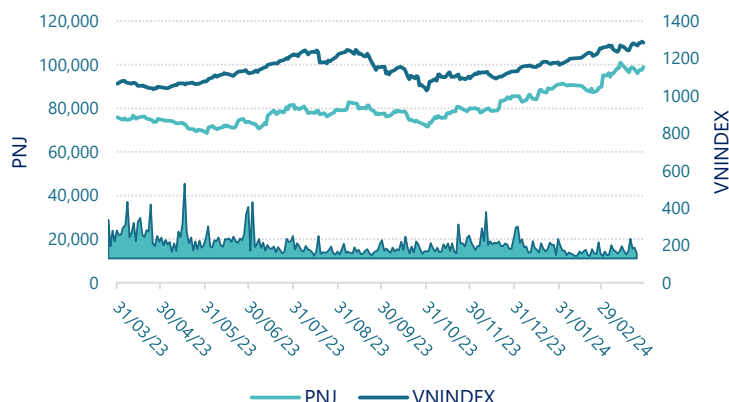


CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HSX: PNJ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	98,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	100,896
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	68,571
SL cổ phiếu LH	334,559,621
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,377,161
% sở hữu nước ngoài	49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33,088
P/E	16.9
EPS	5,861

DT thuần

Q1/24

12,594

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,834 | 29.0%

YoY: ▲ 2,798 | 28.6%

LN sau thuế

Q1/24

738

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106 | 16.7%

YoY: ▼ 11.0 | -1.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

7.9%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2023

33,137

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 739 | -2.2%

LN sau thuế

2023

1,971

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 160 | 8.9%

ROE

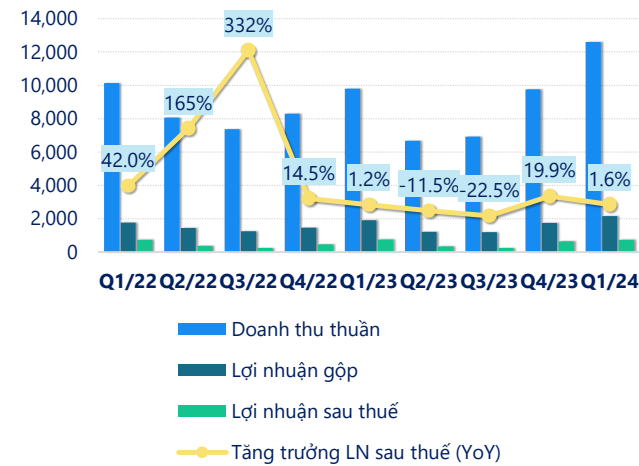
2023

21.6%

+/- YoY: ▼ 3.4%

tỷ VNĐ

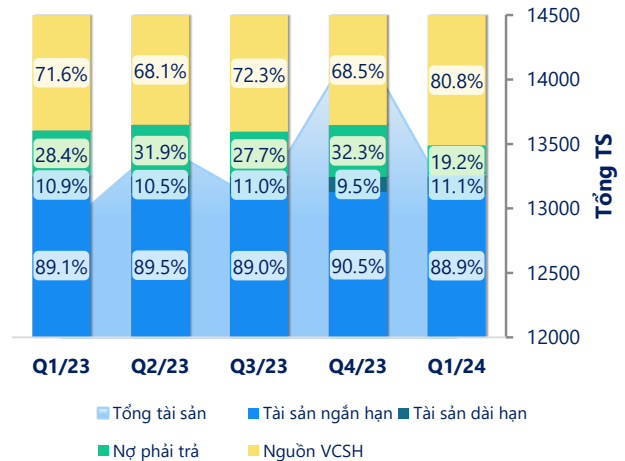
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

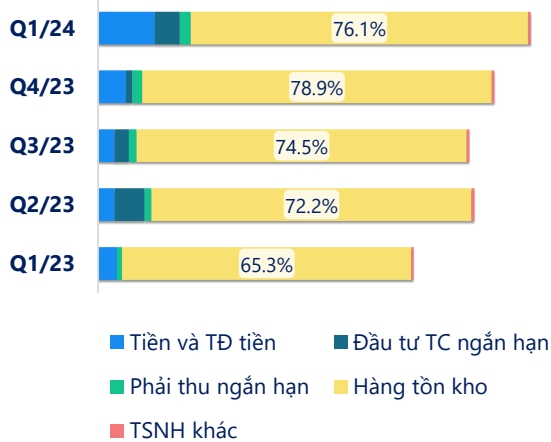
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



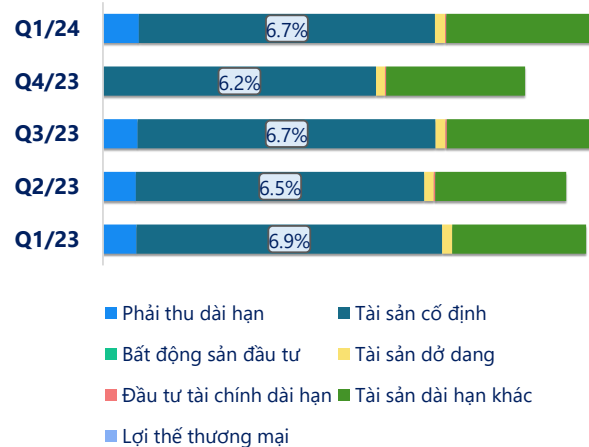
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

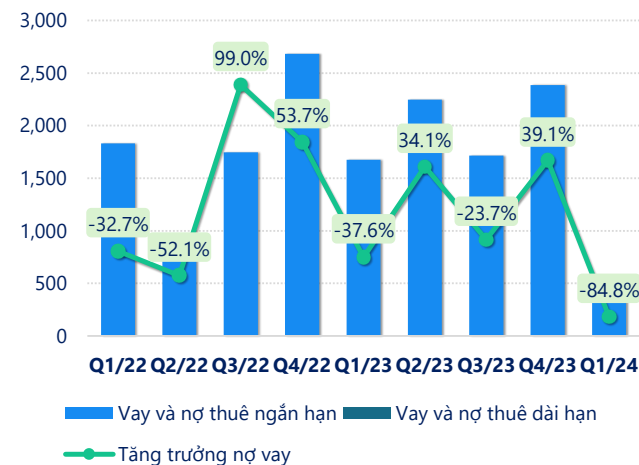
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

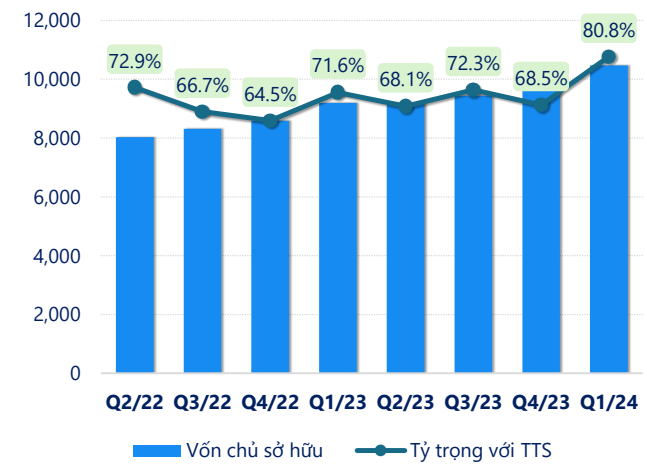
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

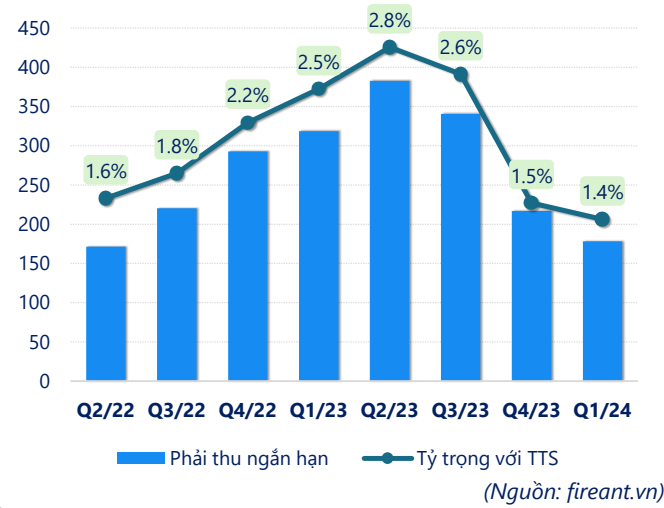
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

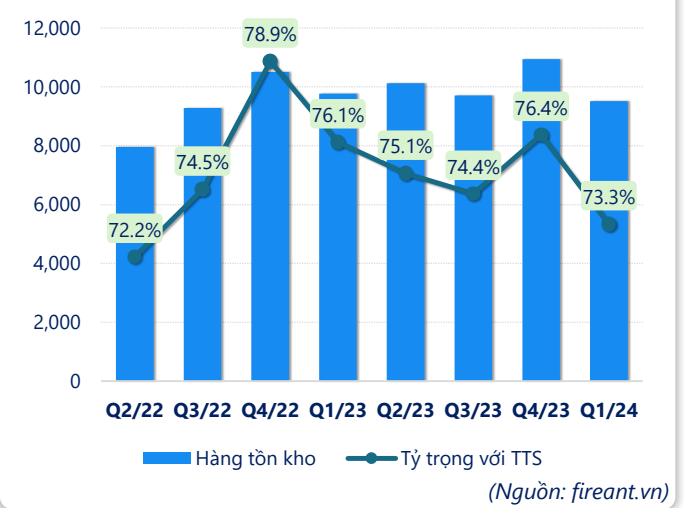


(Nguồn: fireant.vn)

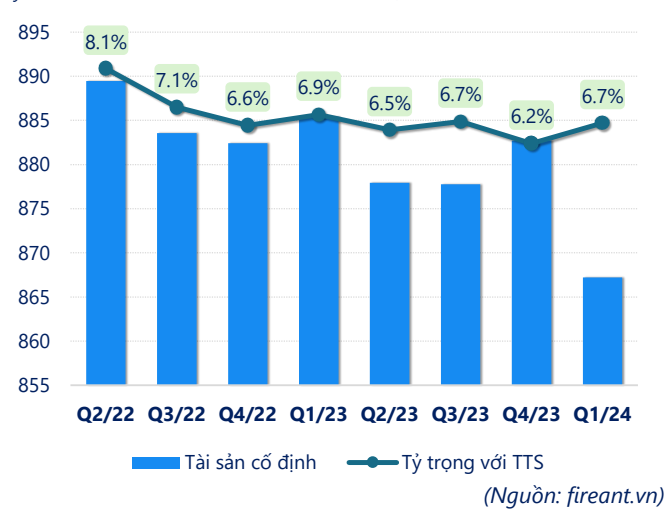
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


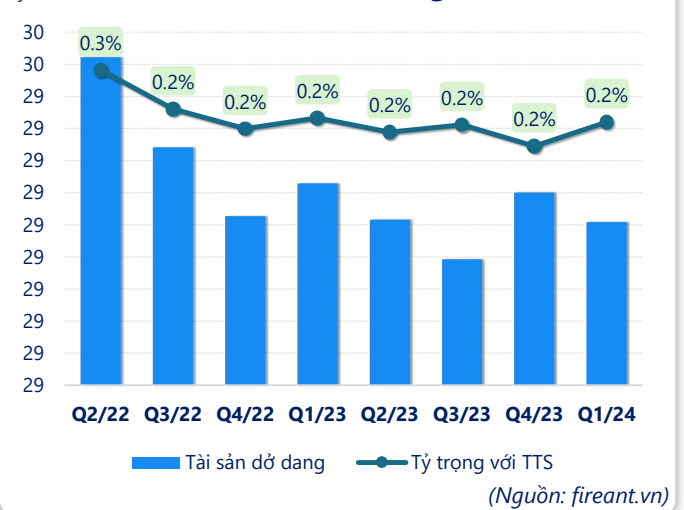
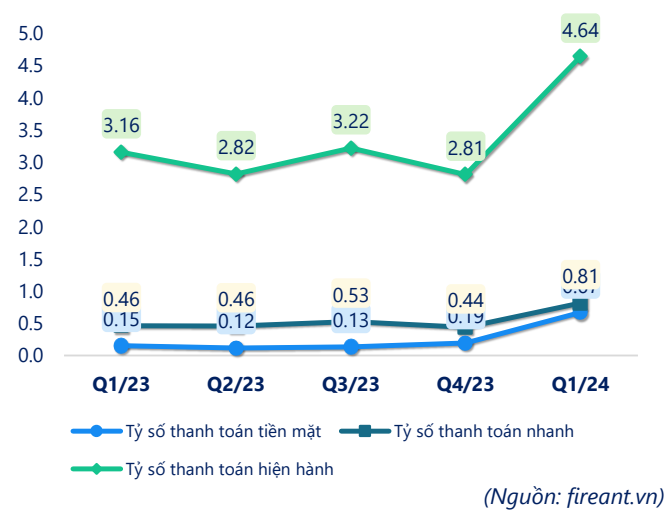
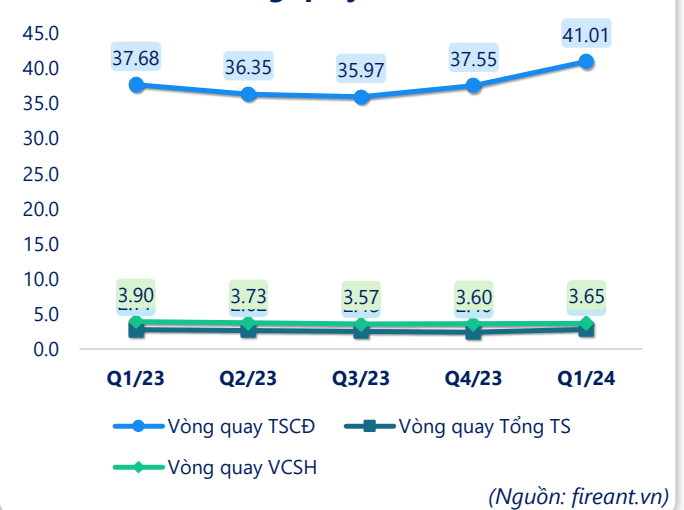
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	12,831	13,493	13,055	14,325	12,969
Tài sản ngắn hạn	11,432	12,083	11,616	12,960	11,535
Tiền và tương đương tiền	550	499	485	896	1,662
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720	1,000	990	810	100
Phải thu ngắn hạn	318	383	341	217	178
Hàng tồn kho	9,767	10,127	9,709	10,941	9,511
Tài sản ngắn hạn khác	76.8	73.9	91.2	95.9	84.2
Tài sản dài hạn	1,399	1,410	1,439	1,365	1,434
Phải thu dài hạn	96.8	101	103	0	105
Tài sản cố định	885	878	878	883	867
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	29.1	29.0	28.9	29.1	29.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.98	3.98	3.98	3.98
Tài sản dài hạn khác	388	399	426	449	429
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,638	4,299	3,618	4,623	2,495
Nợ ngắn hạn	3,622	4,289	3,608	4,614	2,485
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,675	2,246	1,714	2,384	364
Phải trả người bán ngắn hạn	514	339	128	255	334
Nợ dài hạn	16.1	9.97	9.97	9.42	9.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,193	9,194	9,437	9,807	10,474
Vốn chủ sở hữu	9,193	9,194	9,437	9,807	10,474
Vốn điều lệ	3,282	3,282	3,282	3,282	3,347
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)